

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **430** /UBND-TH
V/v báo cáo tình hình
kinh tế - xã hội tháng
01/2018 và triển khai
Nghị quyết số 01/NQ-CP

Quảng Ngãi, ngày **24** tháng 01 năm 2018

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số:..... 891
ĐẾN	Ngày: 24.01.18
	Chủ đề:.....

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 358/BKHĐT-TH ngày 18/01/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tình hình kinh tế - xã hội tháng 01 năm 2018 và triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo như sau:

I. Về triển khai nghị quyết số 138/NQ-CP, Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ

1. Về kinh tế - xã hội

a) Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 31/12/2017: UBND tỉnh đã tổ chức triển khai thực hiện cụ thể tại Công văn số 311/UBND-TH ngày 18/01/2017 (*bản chụp kèm theo*).

b) Về triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018:

UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 (ngày 09/01/2018). Đồng thời, ban hành Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018. Theo đó, Chủ tịch UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện thành phố quán triệt các nhiệm vụ và giải pháp tại Quyết định này trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện (*bản chụp kèm theo*).

2. Về tình hình tổ chức điều hành, chấp hành và triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2018

a) Về Kế hoạch vốn cân đối ngân sách địa phương: Thực hiện Quyết định số 1916/QĐ-TTg ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, Quyết định số 2131/QĐ-TTg ngày 29/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018, Quyết định số 2465/QĐ-BTC ngày 29/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018, UBND tỉnh đã giao kế hoạch vốn ngân sách địa phương tại Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 14/12/2017.

b) Về Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương: Căn cứ Quyết định số



2131/QĐ-TTg ngày 29/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018 và Quyết định số 1972/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018, UBND tỉnh đã giao kế hoạch vốn Trung ương tại Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 10/01/2017.

Riêng 02 Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững, UBND tỉnh đang hoàn thiện các thủ tục để giao kế hoạch vốn trong tháng 01/2018.

(Có biểu mẫu báo cáo kèm theo)

II. Về tình hình kinh tế - xã hội tháng 01 năm 2018

1. Về phát triển công nghiệp

Ước tính giá trị sản xuất tháng 01/2018 đạt 10.246,7 tỷ đồng (theo giá SS 2010), tăng 4,4% so với tháng trước, đạt 9,2% kế hoạch. Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước đạt 8.122,9 tỷ đồng, tăng 1,1%; kinh tế ngoài nhà nước đạt 1.662,3 tỷ đồng, tăng 28,6% và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 461,5 tỷ đồng, giảm 6,6%.

So với cùng kỳ năm trước, GTSX công nghiệp tháng này tăng 5,2%. Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước giảm 0,8%; kinh tế ngoài nhà nước tăng 28,8% và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng 78,6%.

2. Về phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản

a) Nông nghiệp:

Thời tiết đầu năm 2018 thuận lợi hơn cùng kỳ năm 2017 nên tiến độ gieo trồng các loại cây nhanh hơn. Thời gian gieo sạ lúa đại trà vụ Đông Xuân 2018 được cơ quan chức năng khuyến cáo bắt đầu từ ngày 25/12/2017 đến ngày 10/01/2018 (muộn hơn 5 ngày so với cùng vụ năm 2017). Đến ngày 15/01/2018, gieo sạ được 37.278 ha (đạt 96,1% kế hoạch vụ), tăng 9,6% so với cùng thời điểm năm 2017. Phần lớn diện tích lúa đang ở giai đoạn mới sạ đến 5 lá.

Diện tích ngô gieo trồng đạt 1.527 ha, tăng 28,9% so với cùng thời điểm năm 2017. Diện tích khoai lang đạt 151,4 ha, tăng 261,3%. Diện tích lạc đạt 1.855 ha, tăng 103,8%. Đậu tương đạt 22 ha, tăng 144,4%. Diện tích rau đạt 4.115 ha, tăng 1,3%. Diện tích đậu đạt 1.304,5 ha, tăng 166,8%.

Tình hình chăn nuôi chưa có chuyển biến tích cực do giá thịt hơi vẫn duy trì ở mức thấp, chưa khuyến khích được người chăn nuôi.

b) Lâm nghiệp:

Năm 2017, khai thác gỗ rừng trồng nguyên liệu giấy tăng mạnh, tạo quỹ đất cho trồng rừng. Trong tháng 01 năm 2018, tận dụng thời tiết thuận lợi, người dân đẩy nhanh tiến độ trồng rừng. Diện tích rừng trồng tập trung trong

tháng ước đạt 2.099 ha, tăng 5,2% so với cùng tháng năm 2017. Sản lượng gỗ khai thác trong tháng đạt 54.278 m³, tăng 9,1% so với tháng 01 năm 2017.

c) Thủy sản:

Sản lượng thủy sản trong tháng ước đạt 10.541,1 tấn, tăng 23,7% so với tháng 01 năm 2017. Trong đó, khai thác vẫn duy trì được nhịp độ phát triển cao nhờ tăng năng lực đánh bắt; sản lượng khai thác trong tháng ước đạt 10.374 tấn, tăng 23,5% so với tháng 01 năm 2017; sản lượng nuôi thu hoạch trong tháng ước đạt 167,1 tấn, tăng 45,4% so với tháng 01/2017.

3. Về phát triển dịch vụ

a) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 4.059 tỷ đồng, tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước, đạt 8,0% kế hoạch. Trong đó, bán lẻ hàng hóa đạt 3.049 tỷ đồng, lưu trú, ăn uống đạt 721 tỷ đồng, du lịch 1 tỷ đồng và dịch vụ khác 288 tỷ đồng.

b) Kim ngạch xuất khẩu tháng 01/2018 ước đạt 30 triệu USD, bằng 93,5% so với cùng kỳ, đạt 6,7% kế hoạch. Các sản phẩm xuất khẩu tăng mạnh so với cùng kỳ: Tinh bột mỳ đạt 7,4 triệu USD, tăng 72,1%; dăm gỗ nguyên liệu giấy đạt 9,5 triệu USD, tăng 8,2%; điện thoại các loại và linh kiện đạt 1,13 triệu USD, tăng 99,8%,...

c) Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 11,2 triệu USD, bằng 84,7% so với cùng kỳ, đạt 1,2% kế hoạch.

4. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng (tính đến ngày 20/01/2018), toàn tỉnh có 45 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới; trong đó, có 03 công ty cổ phần; 17 công ty TNHH 2TV trở lên; 24 công ty TNHH 1TV; 01 doanh nghiệp tư nhân; với tổng số vốn đăng ký là 191,33 tỷ đồng, tăng 21,62% về số doanh nghiệp và tăng 58,32% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng có 79 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động và có 03 doanh nghiệp đã giải thể.

Kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP, các P.Ng/cứu, CB-TH;
- Lưu: VT, TH (Vũ 34)

KT.CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tăng Bính

Biểu mẫu số 1

TÌNH HÌNH GIAO/THÔNG BÁO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NSTW (TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ) VỐN TRONG NƯỚC CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG CHO QUẢN LÝ TRỰC THUỘC

(Kèm theo Công văn số 33/UBND ngày 24/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Đơn vị: Triệu đồng

TT	Bộ, ngành và địa phương	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2018 được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao tại Quyết định số 2131/QĐ-TTg và 1972/QĐ-BKHBT		Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2018 Bộ, ngành và địa phương giao/Thông báo cho các đơn vị		Văn bản/Quyết định giao/Thông báo	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
TỔNG SỐ						6.974.826	5.302.134	996.224	996.224	996.224	996.224			
I	Chương trình hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg							128.224	128.224	128.224	128.224			
(1)	Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg			22/2013/QĐ-TTg, ngày 26/4/2013 của Thủ tướng CP				128.224	128.224	128.224	128.224	35/QĐ-UBND, ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh		
II	Vốn Chương trình mục tiêu					4.724.826	3.802.134	318.000	318.000	318.000	318.000			
A	Hoàn trả ứng trước							35.559	35.559	35.559	35.559			
	Thu hồi ứng các dự án không thuộc các chương trình mục tiêu quy định tại Nghị quyết 1023/NQ-UBTVQH13 và Quyết định 40/2015/QĐ-TTg							35.559	35.559	35.559	35.559			
1	Vốn đối ứng các dự án ODA							8.571	8.571	8.571	8.571	35/QĐ-UBND, ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi		
	+ Cải thiện Môi trường đô thị miền Trung (ADB)							5.991	5.991	5.991	5.991			
	+ Trường Cao đẳng nghề Việt Nam-Hàn Quốc-Quảng Ngãi							2.000	2.000	2.000	2.000			
	+ Khôi phục 10 hồ chứa nước (viện trợ của JICA)							580	580	580	580			
2	Tạm ứng vốn NSTW năm 2009 và năm 2010 để xây dựng cơ sở hạ tầng KKT Dung Quat							11.988	11.988	11.988	11.988	35/QĐ-UBND, ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi		
	+ Bồi thường, hỗ trợ các DA trong KKT Dung Quat							3.727	3.727	3.727	3.727			
	+ Bồi thường, GPMB các DA Tycoons và Doosan (G/d 1)							8.261	8.261	8.261	8.261			
3	Kế đường giao thông liên huyện (ĐT 623) dọc sông Rin thuộc TT Di Lăng, huyện Sơn Hà							5.000	5.000	5.000	5.000	35/QĐ-UBND, ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi		
4	Vùng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn giai đoạn 2							10.000	10.000	10.000	10.000	35/QĐ-UBND, ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi		
B	Phân bổ chi tiết các Chương trình mục tiêu					4.724.826	3.802.134	282.441	282.441	282.441	282.441			

TT	Bộ, ngành và địa phương	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2018 được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao tại Quyết định số 2131/QĐ-TTg và 1972/QĐ-BKHBT		Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2018 Bộ, ngành và địa phương giao/thông báo cho các đơn vị		Văn bản/Quyết định giao/thông báo	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW		
B1	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng					1.730.671	1.282.742	139.541	139.541	139.541	139.541		
(1)	Dự án hoàn thành, đã bàn giao, đi vào sử dụng trước năm kế hoạch					38.401	38.401	27.741	27.741	27.741	27.741		
1	Kè chống sạt lở xã An Bình, huyện Lý Sơn	Lý Sơn	L=257,6m	2013-2015	2095/QĐ-UBND, ngày 25/12/2013	38.401	38.401	27.741	27.741	27.741	27.741	35/QĐ-UBND, ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	
(2)	Dự án hoàn thành năm 2017					1.050.831	672.902	39.800	39.800	39.800	39.800		
	Dự án nhóm C												
2	Đường Trung tâm huyện Sơn Tây	Sơn Tây	945,85m	2015-2018	1604/QĐ-UBND 30/10/2014	67.079	35.000	2.000	2.000	2.000	2.000	35/QĐ-UBND, ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	
	Dự án nhóm B												
3	Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu sông Thoa	TP. Quảng Ngãi	100ha	2011-2017	527/QĐ-UBND, 31/3/2009; 1159/QĐ-UBND, ngày 14/7/2015	338.000	270.400	700	700	700	700	35/QĐ-UBND, ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	
4	Nâng cấp tuyến đường Côn An Vinh-Ra đa tầm xa huyện Lý Sơn	Lý Sơn	7.063,27m	2015-2019	1606/QĐ-UBND 30/10/2014	148.752	119.002	22.000	22.000	22.000	22.000	35/QĐ-UBND, ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	
5	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	300 giường	2014-2018	1611/QĐ-UBND, 25/10/2012	497.000	248.500	15.100	15.100	15.100	15.100	35/QĐ-UBND, ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	
(3)	Dự án chuyên tiếp hoàn thành sau năm 2018					641.439	571.439	72.000	72.000	72.000	72.000		
	Dự án nhóm B												
6	Đường tránh lũ Bình Minh - Bình Khương	Bình Sơn	5.500m	2016-2020	1967g/QĐ-UBND, 31/10/2015	80.441	80.441	10.000	10.000	10.000	10.000	35/QĐ-UBND, ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	
7	Đường Ba Bích - Ba Nam	Ba Tơ	10,22km	2016-2020	1967h/QĐ-UBND, 31/10/2015	99.998	99.998	10.000	10.000	10.000	10.000	35/QĐ-UBND, ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	
8	Cảng Bến Đình	Lý Sơn	Tàu 1000DWT và tàu 200 ghé	2016-2020	495/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	200.000	130.000	28.000	28.000	28.000	28.000	35/QĐ-UBND, ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	

TT	Bộ, ngành và địa phương	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2018 được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao tại Quyết định số 2131/QĐ-TTg và 1972/QĐ-BKHĐT		Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2018 Bộ, ngành và địa phương giao/thông báo cho các đơn vị		Văn bản/Quyết định giao/thông báo	Ghi chú	
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số			Trong đó: Vốn NSTW
9	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa	Tư Nghĩa, Nghĩa Hành	4,94km	2017-2020	2088/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	141.000	141.000	14.000	14.000	14.000	14.000	35/QĐ-UBND, ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	
10	Đường Ba Tr - Ba Trang - Ba Khâm (đoạn Ba Trang - Ba Khâm)	Ba Tr, Đức Phổ	19,7 km	2017-2020	2064/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	120.000	120.000	10.000	10.000	10.000	10.000	35/QĐ-UBND, ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	
B2	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế vùng					401.097	400.147	76.000	76.000	76.000	76.000		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018					401.097	400.147	76.000	76.000	76.000	76.000		
	Dự án nhóm B												
11	Vùng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn (giai đoạn II)	Đảo Lý Sơn	500 tàu có CS 400CV	2010-2018	1476/QĐ-UBND, 27/10/2010; 886/QĐ-UBND ngày 04/6/2015; 1744/UBND-NNTN ngày 07/8/2017	401.097	400.147	76.000	76.000	76.000	76.000	35/QĐ-UBND, ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	
B3	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững					60.928	45.000	5.000	5.000	5.000	5.000		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018					60.928	45.000	5.000	5.000	5.000	5.000		
	Dự án nhóm C												
12	Nâng cao Năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020	Toàn tỉnh	nhiều mục tiêu	2016-2020	139/QĐ-UBND, 22/01/2016	60.928	45.000	5.000	5.000	5.000	5.000	35/QĐ-UBND, ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	
B4	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư					80.000	80.000	10.000	10.000	10.000	10.000		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018					80.000	80.000	10.000	10.000	10.000	10.000		
	Dự án nhóm B												
13	Đê Phổ Minh (giai đoạn 1)	Đức Phổ	L=4158m	2016-2020	1966/QĐ-UBND, 30/10/2015	80.000	80.000	10.000	10.000	10.000	10.000	35/QĐ-UBND, ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	
B5	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao					1.084.221	747.243	33.000	33.000	33.000	33.000		
(1)	Dự án hoàn thành năm 2017					446.978	300.000	1.000	1.000	1.000	1.000		
	Dự án nhóm B												
14*	Dự án thành phần II đoạn Bình Long - cãng Dung Quất (giai đoạn 2)	Bình Sơn	9 km	2013-2017	117/QĐ-BQL ngày 21/3/2006, 629/QĐ-BQL ngày 23/9/2008	446.978	300.000	1.000	1.000	1.000	1.000	35/QĐ-UBND, ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	

TT	Bộ, ngành và địa phương	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2018 được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao tại Quyết định số 2131/QĐ-TTg và 1972/QĐ-BKHĐT		Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2018 Bộ, ngành và địa phương giao/thông báo cho các đơn vị		Văn bản/Quyết định giao/thông báo	Ghi chú	
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số			Trong đó: Vốn NSTW
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2018					397.712	207.712	17.000	17.000	17.000	17.000		
	Dự án nhóm B												
15	Xây dựng đường giao thông trục chính nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường	Bình Sơn	9,644 km	2014-2018	1448/QĐ-UBND ngày 30/9/2011	397.712	207.712	17.000	17.000	17.000	17.000		
(3)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018					239.531	239.531	15.000	15.000	15.000	15.000		
	Dự án nhóm B												
16	Các tuyến đường trục vào KCN nặng Dung Quất phía Đông	Bình Sơn	2,7 km	2016-2020	1967e/QĐ-UBND, 31/10/2015	239.531	239.531	15.000	15.000	15.000	15.000	35/QĐ-UBND, ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	
B6	Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch					51.895	51.895	10.000	10.000	10.000	10.000		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018					51.895	51.895	10.000	10.000	10.000	10.000		
	Dự án nhóm B												
17	Cơ sở hạ tầng Khu du lịch Mỹ Khê	TP. Quảng Ngãi	Mở rộng đường trục chính 1,7km	2017-2020	115/QĐ-UBND, ngày 23/01/2017	51.895	51.895	10.000	10.000	10.000	10.000	35/QĐ-UBND, ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	
B7	Chương trình mục tiêu quốc phòng, an ninh trên địa bàn trọng điểm					509.971	509.971	4.000	4.000	4.000	4.000		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018					509.971	509.971	4.000	4.000	4.000	4.000		
	Dự án nhóm B												
18	Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2010 - 2015	Tỉnh Quảng Ngãi	20.200 ha		1310/QĐ-UBND, 31/8/2011	509.971	509.971	4.000	4.000	4.000	4.000	35/QĐ-UBND, ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	
B8	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo					806.043	685.137	4.900	4.900	4.900	4.900		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018					806.043	685.137	4.900	4.900	4.900	4.900		
	Dự án nhóm B												
19	Dự án Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2020	12 huyện	Cấp điện cho 624 thôn, bản thuộc 126 xã	2016-2020	896/QĐ-UBND, ngày 20/6/2014	806.043	685.137	4.900	4.900	4.900	4.900	35/QĐ-UBND, ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	
III	Vốn đầu tư cho các dự án từ nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ					2.250.000	1.500.000	550.000	550.000	550.000	550.000		
	Ngành giao thông												
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018					2.250.000	1.500.000	550.000	550.000	550.000	550.000		

TT	Bộ, ngành và địa phương	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2018 được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao tại Quyết định số 2131/QĐ-TTg và 1972/QĐ-BKHBT		Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2018 Bộ, ngành và địa phương giao/Thông báo cho các đơn vị		Văn bản/Quyết định giao/Thông báo	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW		
Dự án nhóm A													
1	Cầu Cửa Đại	TP Quảng Ngãi	3.700m (cầu dài 1.876m)	2017-2020	468/QĐ-UBND, ngày 20/3/2017	2.250.000	1.500.000	550.000	550.000	550.000	550.000	35/QĐ-UBND, ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	

Biểu mẫu số 2

TÌNH HÌNH GIAO/THÔNG BÁO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ (VỐN NHÀ NƯỚC (VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ) VỐN NGOÀI NƯỚC (ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔNG CỤC, CỤC, PHÒNG, CHI CỤC, CƠ QUAN VÀ ĐỊA PHƯƠNG CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

(Kèm theo Công văn số 100/UBND-QL ngày 24/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Đơn vị: Triệu đồng

TT	Bộ, ngành và địa phương	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2018 được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao tại Quyết định số 2131/QĐ-TTg và 1972/QĐ-BKHĐT		Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2018 Bộ, ngành và địa phương giao/Thông báo cho các đơn vị		Văn bản/Quyết định giao/Thông báo	Ghi chú	
					TMĐT						Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW			
					Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Tổng số							Trong đó: NSTW
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
	TỔNG SỐ					1.029.272	131.116	9.239	898.156	498.827	230.300	230.300	210.481	210.481			
I	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, GIẢM NGHÈO					675.563	36.272	9.239	639.291	239.962	119.568	119.568	104.303	104.303			
	<i>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018</i>					675.563	36.272	9.239	639.291	239.962	119.568	119.568	104.303	104.303			

1	Giảm nghèo khu vực Tây Nguyên - tỉnh Quảng Ngãi	Sơn Hà, Sơn Tây, Ba Tơ	Phát triển CSHT cấp xã, thôn, bản; Phát triển sinh kế bền vững; Nâng cao năng lực	2014-2018	1534/QĐ-UBND ngày 23/10/2013; 2012/QĐ-UBND ngày 15/12/2014	337.818	18.477	9.239	319.341	0	66.303	66.303	66.303	66.303	35/QĐ-UBND, ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
2	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) Quảng Ngãi	Các huyện trong tỉnh	Sửa chữa, nâng cấp 19 hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh	2016-2022	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015; 546/QĐ-UBND ngày 04/4/2016	337.745	17.795	0	319.950	239.962	53.265	53.265	38.000	38.000	8452/BNN-KH ngày 06/10/2017
II	LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO					28.600	6.600	0	22.000	22.000	4.554	4.554	0	0	0
	<i>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2018</i>					28.600	6.600	0	22.000	22.000	4.554	4.554	0	0	0
3	Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất (giai đoạn 2)	Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức	6 trường THCS	2015-2018	960/QĐ-UBND ngày 12/6/2015	28.600	6.600	0	22.000	22.000	4.554	4.554	-	-	Bộ GDĐT không có văn bản
III	LĨNH VỰC Y TẾ					119.130	31.297	0	87.833	87.833	77.403	77.403	77.403	77.403	
	<i>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2018</i>					119.130	31.297	0	87.833	87.833	77.403	77.403	77.403	77.403	
4	Dự án hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện (Quảng Ngãi)					119.130	31.297	0	87.833	87.833	77.403	77.403	77.403	77.403	
	<i>Trong đó:</i>														
4.1	Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	800 m ³ /ngày đêm		1967/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	29.199	4.593	-	24.606	24.606	14.606	14.606	14.606	14.606	4372/QĐ-BYT tháng 10/2017
4.2	Hỗ trợ đầu tư khu xử lý chất thải y tế nguy hại tập trung tỉnh Quảng Ngãi	Xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành	800 kg rác/ngày		1592/QĐ-UBND ngày 31/8/2016	89.931	26.704	-	63.227	63.227	62.797	62.797	62.797	62.797	4372/QĐ-BYT tháng 10/2017
IV	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ TĂNG TRƯỞNG XANH					205.979	56.947	0	149.032	149.032	28.775	28.775	28.775	28.775	
	<i>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018</i>					205.979	56.947	0	149.032	149.032	28.775	28.775	28.775	28.775	

5	Xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng khu vực xã Tịnh Kỳ và phía Đông huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi	Xây dựng mới tuyến đê, kè với chiều dài 3.574,8m	2015-2017	1370/QĐ-UBND ngày 13/8/2015	184.903	54.903	0	130.000	130.000	27.000	27.000	27.000	27.000	35/QĐ-UBND, ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
6	Trồng rừng ngập mặn ven biển các xã Bình Phước, Bình Đông, Bình Dương huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Bình Sơn	107,448 ha	2015-2019	1369/QĐ-UBND ngày 12/8/2015	21.076	2.044	0	19.032	19.032	1.775	1.775	1.775	1.775	35/QĐ-UBND, ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi